CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỌ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỌ
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2012
TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN NGÀY 30/9/2012
(DẠNG ĐÃY ĐỦ)

TP Hồ Chí Minh, tháng 10 - 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

**NỘI DUNG**

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nội Dung</th>
<th>Trang</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</td>
<td>03</td>
</tr>
<tr>
<td>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</td>
<td>07</td>
</tr>
<tr>
<td>BÁO CÁO LUẬU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</td>
<td>09</td>
</tr>
<tr>
<td>BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</td>
<td>11</td>
</tr>
</tbody>
</table>
# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Tài sản**

<table>
<thead>
<tr>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>100</td>
<td></td>
<td>8.758.053.279.580</td>
<td>9.467.682.996.094</td>
</tr>
</tbody>
</table>

A-TÀI SẢN NGÁN HẠN

(100=110+120+130+140+150)

I. Tiền và các khoản tương đương tiền

<table>
<thead>
<tr>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>110</td>
<td>VI.1</td>
<td>555.133.933.126</td>
</tr>
<tr>
<td>111</td>
<td></td>
<td>555.133.933.126</td>
</tr>
<tr>
<td>112</td>
<td></td>
<td>- 2.366.000.000.000</td>
</tr>
</tbody>
</table>

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

<table>
<thead>
<tr>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>120</td>
<td>VI.2</td>
<td>2.029.334.564.892</td>
</tr>
<tr>
<td>121</td>
<td></td>
<td>2.103.902.256.312</td>
</tr>
<tr>
<td>129</td>
<td></td>
<td>(74.567.691.420)</td>
</tr>
</tbody>
</table>

III. Các khoản phải thu

<table>
<thead>
<tr>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>130</td>
<td>VI.3</td>
<td>2.400.760.925.119</td>
</tr>
<tr>
<td>131</td>
<td></td>
<td>1.222.011.984.931</td>
</tr>
<tr>
<td>132</td>
<td></td>
<td>812.307.839.050</td>
</tr>
<tr>
<td>133</td>
<td></td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>137</td>
<td></td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>138</td>
<td>VI.4</td>
<td>370.331.200.067</td>
</tr>
<tr>
<td>139</td>
<td>VI.5</td>
<td>(3.890.098.929)</td>
</tr>
</tbody>
</table>

IV. Hàng tồn kho

<table>
<thead>
<tr>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>140</td>
<td>VI.6</td>
<td>3.539.650.095.234</td>
</tr>
<tr>
<td>141</td>
<td></td>
<td>3.543.932.114.387</td>
</tr>
<tr>
<td>149</td>
<td></td>
<td>(4.282.019.153)</td>
</tr>
</tbody>
</table>

V. Tài sản ngắn hạn khác

<table>
<thead>
<tr>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>150</td>
<td>VI.8</td>
<td>233.173.761.209</td>
</tr>
<tr>
<td>151</td>
<td></td>
<td>77.169.886.755</td>
</tr>
<tr>
<td>152</td>
<td></td>
<td>154.130.657.509</td>
</tr>
<tr>
<td>154</td>
<td></td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>158</td>
<td></td>
<td>1.873.216.945</td>
</tr>
</tbody>
</table>

MẪU SỐ B01a-DN/HN

*Đơn vị tính : VND*
<table>
<thead>
<tr>
<th>Tài Sản</th>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>Hợp Nhập</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td>Số cuối kỳ</td>
<td>Số đầu năm</td>
</tr>
<tr>
<td>II. Tài sản cố định</td>
<td>220</td>
<td>7.480.167.057.275</td>
<td>5.044.762.028.869</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1. Tài sản cố định hữu hình</td>
<td>221</td>
<td>VI.9</td>
<td>4.173.027.730.107</td>
<td>3.493.628.542.454</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>222</td>
<td></td>
<td>6.332.575.836.431</td>
<td>5.301.826.836.260</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>223</td>
<td></td>
<td>(2.159.548.106.324)</td>
<td>(1.808.198.293.806)</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Tài sản cố định thuê tài chính</td>
<td>224</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>225</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>226</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>3. Tài sản cố định vô hình</td>
<td>227</td>
<td>VI.10</td>
<td>255.106.240.236</td>
<td>256.046.089.531</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>228</td>
<td></td>
<td>386.594.477.184</td>
<td>383.409.370.867</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>229</td>
<td></td>
<td>(131.488.236.948)</td>
<td>(127.363.281.336)</td>
</tr>
<tr>
<td>4. Chi phí xây dựng cơ bản đở dang</td>
<td>230</td>
<td>VI.12</td>
<td>3.052.033.086.932</td>
<td>1.295.087.396.884</td>
</tr>
<tr>
<td>III. Bất động sản đầu tư</td>
<td>240</td>
<td>VI.11</td>
<td>97.703.613.697</td>
<td>100.671.287.539</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>241</td>
<td></td>
<td>117.666.487.460</td>
<td>117.666.487.460</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>242</td>
<td></td>
<td>(19.962.873.763)</td>
<td>(16.995.199.921)</td>
</tr>
<tr>
<td>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</td>
<td>250</td>
<td>592.755.414.215</td>
<td>846.713.756.424</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1. Đầu tư vào công ty con</td>
<td>251</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</td>
<td>252</td>
<td>VI.13</td>
<td>216.069.036.461</td>
<td>205.418.475.253</td>
</tr>
<tr>
<td>3. Đầu tư dài hạn khác</td>
<td>258</td>
<td>VI.14</td>
<td>466.052.373.800</td>
<td>783.646.073.800</td>
</tr>
<tr>
<td>4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</td>
<td>259</td>
<td>VI.15</td>
<td>(89.365.996.046)</td>
<td>(142.350.792.629)</td>
</tr>
<tr>
<td>V. Tài sản dài hạn khác</td>
<td>260</td>
<td>142.942.852.756</td>
<td>107.338.146.303</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1. Chi phí trả trước dài hạn</td>
<td>261</td>
<td>VI.16</td>
<td>40.271.022.637</td>
<td>25.598.314.795</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Tài sản thuê thụ nhập hoan lai</td>
<td>262</td>
<td></td>
<td>101.595.410.119</td>
<td>80.643.411.508</td>
</tr>
<tr>
<td>3. Tài sản dài hạn khác</td>
<td>268</td>
<td></td>
<td>1.076.420.000</td>
<td>1.096.420.000</td>
</tr>
<tr>
<td>VI. Lợi thế thương mại</td>
<td></td>
<td></td>
<td>14.122.473.829</td>
<td>15.503.335.522</td>
</tr>
<tr>
<td>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100 + 200)</td>
<td>270</td>
<td></td>
<td>17.085.744.691.352</td>
<td>15.582.671.550.751</td>
</tr>
</tbody>
</table>
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(Giữa niên độ) (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012

MẪU SỐ B01a-DN/HN
Đơn vị tính : VNĐ

<table>
<thead>
<tr>
<th>NGUỒN VỌN</th>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>HỢP NHẤT</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>1</td>
<td></td>
<td>Số cuối kỳ</td>
</tr>
<tr>
<td>A- NỢ PHẢI TRÁ (300 = 310 + 330)</td>
<td>300</td>
<td></td>
<td>3.076.514.929.719</td>
</tr>
<tr>
<td>I. Nợ ngắn hạn</td>
<td>310</td>
<td></td>
<td>2.883.604.075.620</td>
</tr>
<tr>
<td>1. Vay và nợ ngắn hạn</td>
<td>311</td>
<td>VI.17</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2. Phải trả người bán</td>
<td>312</td>
<td>VI.18</td>
<td>1.442.323.438.803</td>
</tr>
<tr>
<td>4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</td>
<td>314</td>
<td>VI.19</td>
<td>393.878.816.237</td>
</tr>
<tr>
<td>5. Phải trả người lao động</td>
<td>315</td>
<td></td>
<td>90.448.153.069</td>
</tr>
<tr>
<td>6. Chi phí phải trả</td>
<td>316</td>
<td>VI.20</td>
<td>338.716.578.878</td>
</tr>
<tr>
<td>7. Phải trả nội bộ</td>
<td>317</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng</td>
<td>318</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</td>
<td>319</td>
<td>VI.21</td>
<td>262.245.339.556</td>
</tr>
<tr>
<td>10. Dự phòng phải trả ngắn hạn</td>
<td>320</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>II. Nợ dài hạn</td>
<td>330</td>
<td></td>
<td>192.910.854.099</td>
</tr>
<tr>
<td>1. Phải trả dài hạn người bán</td>
<td>331</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2. Phải trả dài hạn nội bộ</td>
<td>332</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3. Phải trả dài hạn khác</td>
<td>333</td>
<td></td>
<td>125.822.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>4. Vay và nợ dài hạn</td>
<td>334</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</td>
<td>335</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>6. Dự phòng trợ cấp thời gian, mất việc làm</td>
<td>336</td>
<td></td>
<td>67.018.423.367</td>
</tr>
<tr>
<td>7. Dự phòng phải trả dài hạn</td>
<td>337</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>8. Doanh thu chưa thực hiện</td>
<td>338</td>
<td></td>
<td>70.430.732</td>
</tr>
<tr>
<td>9. Quỹ phát triển kinh doanh và công nghệ</td>
<td>339</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</td>
<td>400</td>
<td>VI.22</td>
<td>14.009.229.761.633</td>
</tr>
<tr>
<td>1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu</td>
<td>411</td>
<td></td>
<td>5.561.147.540.000</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Thặng dư vốn cổ phần</td>
<td>412</td>
<td></td>
<td>1.276.994.100.000</td>
</tr>
<tr>
<td>3. Vốn khác của chủ sở hữu</td>
<td>413</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4. Cổ phiếu quỹ</td>
<td>414</td>
<td></td>
<td>(4.422.553.000)</td>
</tr>
<tr>
<td>5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản</td>
<td>415</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái</td>
<td>416</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>7. Quỹ đầu tư phát triển</td>
<td>417</td>
<td></td>
<td>1.484.445.131.462</td>
</tr>
<tr>
<td>8. Quỹ dự phòng tài chính</td>
<td>418</td>
<td></td>
<td>556.114.754.000</td>
</tr>
<tr>
<td>9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</td>
<td>419</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</td>
<td>420</td>
<td></td>
<td>5.134.950.789.171</td>
</tr>
<tr>
<td>11. Nguồn vốn đầu tư XDCB</td>
<td>421</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>
**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

<table>
<thead>
<tr>
<th>NGUỒN VỐN</th>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>HỢP NHẤT</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</td>
<td>422</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</td>
<td>430</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1. Nguồn kinh phí</td>
<td>432</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</td>
<td>433</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</td>
<td>439</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</td>
<td>440</td>
<td>17.085.744.691.352</td>
<td>15.582.671.550.751</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

(300 + 400 + 439)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<table>
<thead>
<tr>
<th>CHỈ TIÊU</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1. Tài sản thuê ngoài</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4. Nợ khó đòi đã xử lý</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>5. Ngoại tệ các loại: USD</td>
<td>16.453.305,19</td>
<td>27.989.325.30</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>EUR</td>
<td>981.588,02</td>
<td>1.482.877,52</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>AUD</td>
<td>0,20</td>
<td>-</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Lập ngày 29 tháng 10 năm 2012,

Người lập: Nguyễn Đức Điều Thơ
Kế toán trưởng: Lê Thành Liêm
Giám đốc điều hành: Ngô Thị Thu Trang
Tổng Giám đốc: Mai Kiều Liên
# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đạng đầy đủ)

Quý III và lũy kế 9 tháng năm 2012

<table>
<thead>
<tr>
<th>CHỈ TIÊU</th>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>Quỹ III</th>
<th>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2. Các khoản giảm trừ</td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3. Doanh thu thuận lợi bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 03)</td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4. Giá vốn hàng bán</td>
<td>VI.2</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>5. Lợi nhuận góp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 + 11)</td>
<td>VI.3</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>6. Doanh thu hoạt động tài chính</td>
<td>VI.4</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>7. Chi phí tài chính</td>
<td>VI.5</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>8. Chi phí bán hàng</td>
<td>VI.6</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</td>
<td>VI.7</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>10. Lợi nhuận thuận từ hoạt động kinh doanh</td>
<td>VI.8</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>11. Thu nhập khác</td>
<td>VI.9</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>12. Chi phí khác</td>
<td>VI.10</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)</td>
<td>VI.11</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>14. Phần lãi / (lỗ) trong liên doanh</td>
<td>VI.12</td>
<td></td>
<td>VI.1</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

MẪU SỐ B02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

<table>
<thead>
<tr>
<th>CHỈ TIÊU</th>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>Quý III</th>
<th>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>1</td>
<td></td>
<td>2 3 4 5</td>
<td>6 7</td>
</tr>
<tr>
<td>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</td>
<td>51</td>
<td>(256.582.439.536)</td>
<td>(201.418.538.486)</td>
<td>(884.710.921.628)</td>
</tr>
<tr>
<td>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)</td>
<td>60</td>
<td>1.395.387.531.531</td>
<td>1.062.492.897.902</td>
<td>4.171.506.916.656</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Phân bổ cho:
Cổ đông thiểu số
Cổ đông của Công ty
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| Phân bố cho | 70 | VI.7 | 2.511 | 1.911 | 7.506 | 5.845 |

Người lập
Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng
Lê Thành Liêm

Giám đốc điều hành Tài chính
Ngô Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc
Mai Kiều Liên
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM  
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
9 tháng năm 2012

MẪU SỐ B03a-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

<table>
<thead>
<tr>
<th>CHỈ TIÊU</th>
<th>Mã số</th>
<th>Thuyết minh</th>
<th>Kỳ nay</th>
<th>Kỳ trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1. Lợi nhuận trước thuế</td>
<td>1</td>
<td>5.035.265.839.673</td>
<td>3.752.297.745.421</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2. Điều chỉnh cho các khoản</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>- Khấu hao TSCĐ</td>
<td>2</td>
<td>VI.9</td>
<td>389.080.884.554</td>
<td>301.954.151.169</td>
</tr>
<tr>
<td>- (Lãi) / lỗ từ các khoản dự phòng</td>
<td>3</td>
<td>VI.10</td>
<td>(56.051.707.912)</td>
<td>26.408.163.186</td>
</tr>
<tr>
<td>- (Lãi) / lỗ chênh lệch tỷ giá đổi hoá chưa thực hiện</td>
<td>4</td>
<td>VI.11</td>
<td>11.809.532.151</td>
<td>9.155.118.602</td>
</tr>
<tr>
<td>- (Lãi) / lỗ từ hoạt động đầu tư</td>
<td>5</td>
<td></td>
<td>(279.114.231.308)</td>
<td>(330.030.563.655)</td>
</tr>
<tr>
<td>- Chi phí lãi vay</td>
<td>6</td>
<td>VII.4</td>
<td>3.114.837.973</td>
<td>13.191.919.262</td>
</tr>
<tr>
<td>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</td>
<td>8</td>
<td></td>
<td>5.104.105.155.131</td>
<td>3.772.976.533.985</td>
</tr>
<tr>
<td>- (Tăng) / giảm các khoản phải thu</td>
<td>9</td>
<td></td>
<td>(321.300.557.350)</td>
<td>(1.071.584.225.574)</td>
</tr>
<tr>
<td>- (Tăng) / giảm hàng tồn kho</td>
<td>10</td>
<td></td>
<td>(328.007.703.597)</td>
<td>(1.205.801.051.571)</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tăng / giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)</td>
<td>11</td>
<td></td>
<td>(351.045.833.467)</td>
<td>422.375.222.602</td>
</tr>
<tr>
<td>- (Tăng) / giảm chi phí trả trước</td>
<td>12</td>
<td></td>
<td>(30.413.275.389)</td>
<td>(55.518.328.814)</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tiền lãi vay đã trả</td>
<td>13</td>
<td></td>
<td>(3.114.837.973)</td>
<td>(13.355.207.156)</td>
</tr>
<tr>
<td>- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp</td>
<td>14</td>
<td>VI.19</td>
<td>(816.759.314.627)</td>
<td>(590.645.694.099)</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tiền thu hồi tài sản khác từ hoạt động kinh doanh</td>
<td>15</td>
<td></td>
<td>3.704.175.480</td>
<td>1.150.647.240</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh</td>
<td>16</td>
<td></td>
<td>(426.442.618.981)</td>
<td>(284.384.278.390)</td>
</tr>
<tr>
<td>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</td>
<td>20</td>
<td></td>
<td>2.830.725.189.227</td>
<td>975.213.618.223</td>
</tr>
<tr>
<td>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</td>
<td>21</td>
<td></td>
<td>(2.535.847.331.423)</td>
<td>(1.183.695.037.673)</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</td>
<td>22</td>
<td></td>
<td>11.664.845.541</td>
<td>37.709.348.747</td>
</tr>
<tr>
<td>3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác</td>
<td>23</td>
<td></td>
<td>(1.260.000.000.000)</td>
<td>(18.000.000.000)</td>
</tr>
<tr>
<td>4. Tiền môi giới cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác</td>
<td>24</td>
<td></td>
<td>241.024.623.470</td>
<td>1.144.408.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</td>
<td>25</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</td>
<td>26</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>7. Tiền thu lại cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia</td>
<td>27</td>
<td></td>
<td>335.656.455.800</td>
<td>328.752.780.214</td>
</tr>
<tr>
<td>8. Mua lại khoản góp vốn của cổ đông thiểu số trong công ty con</td>
<td>28</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</td>
<td>30</td>
<td></td>
<td>(3.207.501.406.612)</td>
<td>309.175.091.288</td>
</tr>
<tr>
<td>CHỈ TIÊU</td>
<td>Mã số</td>
<td>Thuyết minh</td>
<td>Kỳ nay</td>
<td>Kỳ trước</td>
</tr>
<tr>
<td>----------</td>
<td>-------</td>
<td>-------------</td>
<td>--------</td>
<td>----------</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</strong></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu</td>
<td>31</td>
<td>-</td>
<td>1.454.528.400.000</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành</td>
<td>32</td>
<td>(1.900.759.000)</td>
<td>(657.063.000)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được</td>
<td>33</td>
<td>-</td>
<td>729.005.000.000</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>4. Tiền chi trả nợ gốc vay</td>
<td>34</td>
<td>-</td>
<td>(1.002.635.000.000)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính</td>
<td>35</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu</td>
<td>36</td>
<td>(2.222.994.056.000)</td>
<td>(741.428.260.000)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động tài chính</strong></td>
<td>40</td>
<td>(2.224.894.815.000)</td>
<td>438.813.077.000</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Lưu chuyển tiền thuận trong kỳ (20+30+40)</strong></td>
<td>50</td>
<td>(2.601.671.032.385)</td>
<td>1.723.201.786.511</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</td>
<td>60</td>
<td>3.156.515.396.990</td>
<td>263.472.368.080</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</strong></td>
<td>61</td>
<td>289.568.521</td>
<td>(386.235.456)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</td>
<td>70</td>
<td>555.133.933.126</td>
<td>1.986.287.919.135</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Lộp ngày 29 tháng 10 năm 2012,

Người lập: Nguyễn Đức Diệu Thơ
Kế toán trưởng: Lê Thành Liêm
Giám đốc điều hành Tài chính: Ngô Thị Thu Trang
Tổng giám đốc: Mai Kiều Liên
I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn):


+ Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.

+ Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công Ty Cổ Phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.

+ Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.

+ Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.

+ Ngày 12/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 4104000260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.

+ Ngày 14/12/2006: Công ty TNHH 1 Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 150400003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp.

+ Ngày 26/02/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Son được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 2603000521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

+ Ngày 24/06/2010: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Son được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Lam Son.

+ Ngày 30/09/2010: Công ty TNHH 1 Thành Viên Sữa Dielac được đăng ký thành lập dựa trên đăng ký lai từ Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 463041000209, do Ban quản lý Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore cấp.
Tại thời điểm 30/9/2012,
+ Tập đoàn có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

**Các chi nhánh:**
1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.
2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 12 Chi Lăng, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Hùng Vương, Phường Thời Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

**Các nhà máy:**
1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
3/ Nhà máy sữa Dielac - Khu Công nghiệp Biên hòa I, Đồng Nai.
4/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
5/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12, TP HCM.
6/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An.
7/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thu, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.
8/ Nhà máy nước giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
9/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
10/ Nhà máy sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, TP Đà Nẵng.

**Kho vận:**
1/ Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q Gia Lâm, Hà Nội.

**Phòng khám:**
Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

**Công ty con:**
+ Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn
  - Địa chỉ: KCN Lễ Mộn, Tỉnh Thanh Hóa
  - Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
  - Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%
+ Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam
  - Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP HCM.
  - Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
  - Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư BDS Quốc tế
  - Địa chỉ: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP HCM.
  - Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
  - Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%

+ Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac (*)
  - Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100%
  - Quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100%


Công ty liên kết:

+ Công ty Cổ Phần Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn
  - Địa chỉ: Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
  - Tỷ lệ phần sở hữu: 15%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 15%

+ Công ty TNHH MIRAKA
  - Tỷ lệ phần sở hữu: 19,29%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 19,29%

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

+ Trang trại mẫu Campina tại Lâm Đồng
  - Tỷ lệ phần sở hữu: 25%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐO
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

+ Căn hộ Horizon
  - Địa chỉ trụ sở chính : Công ty địa ốc FICO
    Tầng lửng, Khu C, 348 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 5, TPHCM.
  - Tỷ lệ phần sở hữu : 24,5%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết : 24,5%

2. Ngành nghề kinh doanh:
Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, Tập đoàn được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:
a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
b. Kinh doanh thực phẩm công nghiệp, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
c. Kinh doanh nhà;
d. Môi giới, cho thuê bất động sản;
e. Kinh doanh kho, bến bãi;
f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
g. Bốc xếp hàng hóa;
h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chế ương, cà phê rang-xay-phin-hoa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
i. Sản xuất và mua bán bao bì;
j. In trên bao bì;
k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở);
l. Phòng khám đa khoa;
m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt;
n. Dịch vụ sau thu hoạch;
o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:
1. Kỳ kế toán:
   Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/9.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:
   Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Chế độ kế toán áp dụng:
   - Tập đoàn soạn lập các Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ.
   - Các Chế độ Kế toán được áp dụng nhất quán với những Chế độ Kế toán áp dụng với Báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
   - Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
   Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế Toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng:
   Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính:
   - Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn mực Kế toán, Nguyên tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
   - Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền:
   a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:
      - Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.
      - Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:
         + Các khoản tiền mặt: Cần cự vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
         + Các khoản tiền gửi ngân hàng: Cần cự vào giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với sổ phữ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
         + Các khoản tiền đang chuyển: Đưa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.
b. Các khoản tương đương tiền:
   Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi, các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng chuyển đổi thành vốn có thể tiêu dùng hoặc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tệ từ ngày mua khoản đầu tư đó tới thời điểm báo cáo.

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:
   - Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kế toán Kinh doanh.
   - Đối với tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ: Cuối quý, cuối niên độ: Tập đoàn đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí tài chính hay doanh thu tài chính (theo VAS 10).

   ➢ Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

   31/12/2011 : 20.828 VND/USD
   30/9/2012 : 20.828 VND/USD

3. Hàng tồn kho
   a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
      - Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
      - Trường hợp giá trị thuận có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuận có thể thực hiện được (giá trị thuận có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)
      - Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung được áp dụng trên cả sản do hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.

   b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:
      - Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
      - Hàng tồn kho nhập khẩu trong kỳ được ghi nhận tăng theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
      - Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển diệu khi nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá diều chuyển có định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.


5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản số định hữu hình, vô hình:

➢ **TSCĐ hữu hình:**

- Giá trị Tài sản có định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trị trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

- Nguyên giá tài sản có định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập Đoàn phải bỏ ra để có được tài sản có định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.

- Các chi phí phát sinh sau khi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chứng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại của tài sản đầu vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Các chi phí phát sinh sau khi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chứng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại của tài sản đầu vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Khi tài sản có định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bắt kỳ khoản lãi lỗ phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

- Chỉ khi phát triển dần borç được vay hóa cho đến khi chứng từ thành và chuyển sang thành tài sản có định để trích khấu hao.
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

➢ **TSCĐ vô hình:**
  - Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...
  - Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao:
  - TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nhóm loại</th>
<th>Thời gian (năm)</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Nhà cửa, vật kiến trúc</td>
<td>10 - 50</td>
</tr>
<tr>
<td>Máy móc, thiết bị</td>
<td>8 - 10</td>
</tr>
<tr>
<td>Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn</td>
<td>10</td>
</tr>
<tr>
<td>Thiết bị, dụng cụ quản lý</td>
<td>3 - 6</td>
</tr>
<tr>
<td>Gia súc</td>
<td>6</td>
</tr>
</tbody>
</table>

- Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.
- TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao trong 6 năm. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

6. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**:
  - Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc; các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đóng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
  - Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
  - Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được xác định theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
  - Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuận và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

7. Bắt động sản đầu tư

- Bắt động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lợi tức việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, đúng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

- Khấu hao: Bắt động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suôt thời gian hữu dụng ước tính. Bắt động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tốt thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

- Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bắt động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu được so với giá trị còn lại của bắt động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
  + Theo thời gian hữu dụng xác định: Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà đã trả trước.
  + Theo thời gian hữu dụng quy ước: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lon, công cụ dụng cụ phân bổ...

9. Phải trả người bán và phải trả khác:

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

- Tập đoàn ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:
  + Chi phí khuyến mãi phải trả: Được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
  + Chi phí quảng cáo phải trả: Được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
  + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: Trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
  + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lơn được duyệt.
  + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quay quy định.
11. Trích lập quy định phòng trợ cấp thôi việc, mất việc và bảo hiểm thất nghiệp
Quy định cấp thôi việc, mất việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
- Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:
  + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
  + Thặng dư vốn cổ phần: Là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
  + Vốn khác: Hính thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:
  + Quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế
  + Quỹ khen thưởng phúc lợi: 10% lợi nhuận sau thuế
  + Quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn điều lệ của Công ty).

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:
- Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn liên quan đến việc thanh toán tiền, chỉ khi kễm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đăng kế liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chỉ khi kễm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
  + Tiện lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
  + Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Tập Đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc các bón tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:
- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
  + Lỗ đầu tư chứng khoán: được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giả lập so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thuế thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Thue thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi) được tính trên thuế thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Thue thu nhập hiện hành được tính dựa trên thuế thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập đỗ dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thuế thu nhập chịu thuế chênh lệch số với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thuế thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ;

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng nhưng chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất định kỳ sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thuế thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt của nhà máy sản xuất.

16. Hợp nhất báo cáo

- Công ty con

- Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chỉ đạo các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyet định bất kỳ điều kiện nào khác đối với TĐQD.
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

- Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, công với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

> **Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số.**

- Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần có cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua có phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa phần giá trị tài sản thuần trong lợi thế do sở hữu đối với công ty con.

> **Công ty liên kết**

- Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản kế tiếp. Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các kỳ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào kỳ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lợi nhuận sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt do trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hỗ trợ công ty liên kết.

- Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện của các nghiệp vụ nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được giảm trừ vào lãi đầu tư vào công ty liên kết. Các chính sách kế toán của công ty liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách mà Tập đoàn áp dụng.
V. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

Các nhân tố rủi ro tài chính:

- Tập đoàn đánh giá những rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:
  - Rủi ro thị trường
  - Rủi ro thanh khoản
  - Rủi ro tín dụng

- Ban Điều hành chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tập đoàn. Họ thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đánh giá rủi ro, giới hạn mức rủi ro và đưa ra các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được Khối Tài chính thực hiện.

- Các nhân sự thuộc Khối Tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với giới hạn được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành xem xét. Thông tin được trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Điều hành nhận được.

1. Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động về thị giá. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro mà Tập đoàn có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được, đồng thời tối ưu hóa lợi ích mà rủi ro thị trường mang lại.

   a. Rủi ro tiền tệ

   - Tập đoàn phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối trong các giao dịch mua bán sử dụng đồng tiền tệ khác với Việt Nam. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này chủ yếu là USD và Euro (các loại tiền tệ khác có giao dịch không trọng yếu). Tập đoàn đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ thông qua các giao dịch mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ngành hàng. Điểm chính là việc đảm bảo thanh toán bằng ngoại tệ với mức độ chính xác cao nhất có thể. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phát sinh nhằm hạn chế rủi ro tiền tệ vì họ nhận thấy giá vốn của các công cụ do vượt trên rủi ro tiềm tàng của những biến động về tỷ giá hối đoái.
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

- Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD và EUR là như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tài sản tài chính</th>
<th>Tiền gốc ngoại tệ</th>
<th>VND tương đương</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>USD</td>
<td>EUR</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng</td>
<td>16.453.305,19</td>
<td>981.588,02</td>
</tr>
<tr>
<td>Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)</td>
<td>29.936.036,39</td>
<td>4.411.053,70</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>46.389.341,58</td>
<td>5.392.641,72</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nợ tài chính</th>
<th>Tiền gốc ngoại tệ</th>
<th>VND tương đương</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>USD</td>
<td>EUR</td>
</tr>
<tr>
<td>Phải trả người bán và các khoản nợ khác (**)</td>
<td>(18.668.697,36)</td>
<td>(14.731.069,58)</td>
</tr>
<tr>
<td>Mức độ rủi ro tiền tệ</td>
<td>27.720.644,22</td>
<td>(9.338.427,86)</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tài sản tài chính</th>
<th>Tiền gốc ngoại tệ</th>
<th>VND tương đương</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>USD</td>
<td>EUR</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng</td>
<td>27.989.325,30</td>
<td>1.482.877,52</td>
</tr>
<tr>
<td>Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)</td>
<td>35.512.892,94</td>
<td>8.543.383,43</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>63.502.218,24</td>
<td>10.026.260,95</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nợ tài chính</th>
<th>Tiền gốc ngoại tệ</th>
<th>VND tương đương</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>USD</td>
<td>EUR</td>
</tr>
<tr>
<td>Phải trả người bán và các khoản nợ khác (**)</td>
<td>(43.076.330,57)</td>
<td>(12.606.518,36)</td>
</tr>
<tr>
<td>Mức độ rủi ro tiền tệ</td>
<td>20.425.887,67</td>
<td>(2.580.257,41)</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Các tỷ giá quan trọng được áp dụng trong năm như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2012</th>
<th>31/12/2011</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>VND</td>
<td>20.828</td>
<td>20.828</td>
</tr>
<tr>
<td>USD</td>
<td>27.072</td>
<td>27.633</td>
</tr>
</tbody>
</table>

- Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, nếu đồng Việt Nam yếu đi/ mạnh lên 10% so với đô la Mỹ trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ cao/thấp hơn một khoản là 43.302.418.339 VND, chủ yếu do lãi/lỗ ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đô la Mỹ.
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

- Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, nếu đồng VND yếu đi/mạnh lên 10% so với đồng EUR trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ tăng cao hơn là 18.960.743.927 VND, chủ yếu do lỗ/ lãi ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thuộc mảng đóng EUR.

b. Rủi ro giá cả

- Tập đoàn phải chịu rủi ro giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư thuộc nhóm sẵn sàng để bán. Các chứng khoán này được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (“HOSE”). Để quản lý rủi ro giá, Tập đoàn đã đăng ký và nhận mức đầu tư theo các hạn mức do Tập đoàn đề ra.

- Nếu giá các chứng khoán vốn được niêm yết tại sàn HOSE thay đổi tương ứng 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì vốn chủ sở hữu của Tập đoàn sẽ tăng/thấp hơn 10.607.300.475 VND tương ứng.

c. Rủi ro lãi suất

- Tập đoàn không có rủi ro lãi suất khi tất cả các khoản vay phát hành theo lãi suất cố định.

2. Rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra trên thời tải tài chính đối với Tập đoàn nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng đúng các nghĩa vụ theo hợp đồng, và chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu của Tập đoàn.

- Tập đoàn áp dụng chính sách giao dịch với các khách hàng có lịch sử giao dịch tín dụng tích hợp, và thu được đủ tài sản đệm bảo phán hợp nhằm giảm bớt rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, Tập đoàn áp dụng chính sách giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác được xếp hạng tín nhiệm cao.


- Mức độ rủi ro tối đa của rủi ro tín dụng đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó, trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

a. Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị:

- Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá chủ yếu là từ các Công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

b. Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:
- Không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu.
- Các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị bao gồm như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Thời gian</th>
<th>30/9/2012</th>
<th>31/12/2011</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Quá hạn 1 đến 30 ngày</td>
<td>208.628.925.069</td>
<td>15.058.558.138</td>
</tr>
<tr>
<td>Quá hạn 31 đến 60 ngày</td>
<td>172.084.011</td>
<td>287.717.434</td>
</tr>
<tr>
<td>Quá hạn 61 đến 90 ngày</td>
<td>-</td>
<td>630.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Quá hạn hơn 90 ngày</td>
<td>2.199.001.567</td>
<td>3.727.445.863</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>211.000.010.647</strong></td>
<td><strong>19.074.351.435</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

- Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được đánh giá là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng suy giảm giá trị có liên quan như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Thời gian</th>
<th>30/9/2012</th>
<th>31/12/2011</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tổng gộp</td>
<td>7.466.630.950</td>
<td>3.582.467.962</td>
</tr>
<tr>
<td>Trừ: Dự phòng suy giảm giá trị</td>
<td>(3.890.098.929)</td>
<td>(1.918.007.430)</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Giá trị đầu kỳ</strong></td>
<td><strong>3.576.532.021</strong></td>
<td><strong>1.664.460.532</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Thời gian</th>
<th>30/9/2012</th>
<th>31/12/2011</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Giá trị đầu kỳ</td>
<td>1.918.007.430</td>
<td>596.556.111</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng tăng</td>
<td>1.989.091.910</td>
<td>1.833.346.777</td>
</tr>
<tr>
<td>Xóa sổ nợ phải thu khó đòi</td>
<td>(17.000.411)</td>
<td>(511.895.458)</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Giá trị cuối kỳ</strong></td>
<td><strong>3.890.098.929</strong></td>
<td><strong>1.918.007.430</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

- Các khoản phải thu khách hàng bị suy giảm giá trị chủ yếu phát sinh từ doanh số bán cho khách hàng bị lỗ lớn trong hoạt động kinh doanh.

3. Rủi ro thanh khoản:
- Bảng sau phân tích các khoản nợ tài chính phát sinh của Tập đoàn theo thời hạn đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng đến ngày kết toán hoặc đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền không chiết khấu theo hợp đồng.

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Dưới 1 năm</th>
<th>Từ 1 đến 2 năm</th>
<th>Từ 2 đến 5 năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012</strong></td>
<td><strong>2.155.096.141.827</strong></td>
<td><strong>125.822.000.000</strong></td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác (*)</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Các khoản vay</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Tổng</strong></td>
<td><strong>2.155.096.141.827</strong></td>
<td><strong>125.822.000.000</strong></td>
<td>-</td>
</tr>
</tbody>
</table>
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kết toán tính ngày 30 tháng 9 năm 2012

Tài ngày 31 tháng 12 năm 2011
- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác (*)

<table>
<thead>
<tr>
<th>睦</th>
<th>Tau 1 năm</th>
<th>Tri 1 đến 2 năm</th>
<th>Tri 2 đến 5 năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>2.312.706.740.902</td>
<td>92.000.000.000</td>
<td>-</td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

(*) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được trình bày ở thuyết minh này là toàn bộ các khoản nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn, không bao gồm các khoản vay, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước, quỹ khen thưởng phúc lợi và dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc làm.

4. Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị sổ trừ dự phòng của các phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác có giá trị gần bằng giá trị hợp lý.

| 30.9.2012 |
|---|---|---|---|
| Giá trị sổ sách | So sánh với giá thị trường | Giá thị trường | Dự phòng |
| Tăng | Giảm | Tăng | Giảm |
| Đầu tư ngắn hạn: |
| - Chứng khoán vốn chưa niêm yết | 82.283.660.000 | - | (67.087.689.400) | 15.195.970.600 | (67.087.689.400) |
| Đầu tư dài hạn khác: |
| - Chứng khoán vốn niêm yết | 189.402.373.800 | 4.015.050.100 | (48.507.484.500) | 144.909.939.400 | (48.507.484.500) |
| - Chứng khoán vốn chưa niêm yết | - | - | - | - | - |
| - Chứng chỉ quỹ | 106.350.000.000 | - | (40.858.511.546) | 65.491.488.454 | (40.858.511.546) |
| ─────────── | ──────── | ──────── | ──────── | ──────── | ──────── |
| 399.654.630.112 | 18.333.508.808 | (163.933.687.466) | 254.054.451.145 | (163.933.687.466) |

| 31.12.2011 |
|---|---|---|---|
| Giá trị sổ sách | So sánh với giá thị trường | Giá thị trường | Dự phòng |
| Tăng | Giảm | Tăng | Giảm |
| Đầu tư ngắn hạn: |
| - Chứng khoán vốn niêm yết | 24.993.771.792 | 11.762.802.708 | (10.685.976.400) | 26.070.598.100 | (10.685.976.400) |
| - Chứng khoán vốn chưa niêm yết | 82.283.660.000 | - | (68.558.267.200) | 13.725.392.800 | (68.558.267.200) |
| Đầu tư dài hạn khác: |
| - Chứng khoán vốn niêm yết | 206.996.073.800 | 5.973.328.500 | (96.442.805.500) | 116.526.596.800 | (96.442.805.500) |
| - Chứng khoán vốn chưa niêm yết | - | - | - | - | - |
| - Chứng chỉ quỹ | 106.350.000.000 | - | (45.907.987.129) | 60.442.012.871 | (45.907.987.129) |
| ─────────── | ──────── | ──────── | ──────── | ──────── | ──────── |
| 420.623.505.592 | 17.736.131.208 | (221.595.036.229) | 216.764.600.571 | (221.595.036.229) |
- Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại sàn HOSE được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ kế toán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được ước tính dựa trên giá giao dịch bình quân của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM.

- Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ chưa niêm yết được tính dựa vào giá trị thị trường của danh mục đầu tư của quỹ được xác nhận bởi Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn và Ngân hàng giám sát HSBC.
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN DƠI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền mặt</td>
<td>785.785.370</td>
<td>748.676.117</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi ngân hàng</td>
<td>554.348.147.756</td>
<td>789.766.720.873</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền đang chuyển</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản tương đương tiền</td>
<td>-</td>
<td>2.366.000.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</td>
<td>-</td>
<td>2.366.000.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>• Cổ phiếu</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Cộng</td>
<td>555.133.933.126</td>
<td>3.156.515.396.990</td>
</tr>
</tbody>
</table>

2. Đầu tư ngắn hạn

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</td>
<td>403.902.256.312</td>
<td>357.277.431.792</td>
</tr>
<tr>
<td>• Chứng khoán đã niêm yết</td>
<td>21.618.596.312</td>
<td>24.993.771.792</td>
</tr>
<tr>
<td>• Chứng khoán chưa niêm yết</td>
<td>82.283.660.000</td>
<td>82.283.660.000</td>
</tr>
<tr>
<td>• Trái phiếu doanh nghiệp</td>
<td>300.000.000.000</td>
<td>250.000.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>• Trái phiếu Chính phủ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Đầu tư ngân hàng khác</td>
<td>1.700.000.000.000</td>
<td>458.000.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống</td>
<td>1.700.000.000.000</td>
<td>440.000.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>• Đầu tư ngân hàng khác</td>
<td>-</td>
<td>18.000.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</td>
<td>(74.567.691.420)</td>
<td>(79.244.243.600)</td>
</tr>
<tr>
<td>• Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn</td>
<td>(74.567.691.420)</td>
<td>(79.244.243.600)</td>
</tr>
<tr>
<td>• Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Cộng</td>
<td>2.029.334.564.892</td>
<td>736.033.188.192</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Ký này</th>
<th>Năm trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Số đầu năm</td>
<td>(79.244.243.600)</td>
<td>(70.657.669.500)</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập dự phòng trong kỳ</td>
<td>-</td>
<td>(8.586.574.100)</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoàn nhập dự phòng</td>
<td>4.676.552.180</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Số cuối kỳ</td>
<td>(74.567.691.420)</td>
<td>(79.244.243.600)</td>
</tr>
</tbody>
</table>

3. Phái thu khách hàng

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Khách hàng trong nước</td>
<td>690.077.617.022</td>
<td>605.358.743.867</td>
</tr>
<tr>
<td>Khách hàng nước ngoài</td>
<td>531.934.367.909</td>
<td>537.809.723.988</td>
</tr>
<tr>
<td>Cộng</td>
<td>1.222.011.984.931</td>
<td>1.143.168.467.855</td>
</tr>
</tbody>
</table>
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tài sản thiếu chờ xử lý</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi tiền gửi phải thu</td>
<td>18.349.999.999</td>
<td>39.118.333.339</td>
</tr>
<tr>
<td>Cổ tức phải thu</td>
<td>-</td>
<td>6.144.600</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi trả phiếu và lãi cho vay phải thu</td>
<td>19.689.223.743</td>
<td>53.480.095.630</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế NK còn được hoàn</td>
<td>271.150.066.888</td>
<td>128.535.499.715</td>
</tr>
<tr>
<td>Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Phải thu khác</td>
<td>61.141.909.437</td>
<td>11.665.360.512</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>370.331.200.067</strong></td>
<td><strong>232.805.433.796</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Tỷ lệ</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</td>
<td>(%)</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</td>
<td>30%</td>
<td>(1.064.208.349)</td>
<td>(22.395.300)</td>
</tr>
<tr>
<td>• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</td>
<td>50%</td>
<td>(37.325.500)</td>
<td>(1.672.871.733)</td>
</tr>
<tr>
<td>• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</td>
<td>70%</td>
<td>(2.658.722.419)</td>
<td>(51.147.736)</td>
</tr>
<tr>
<td>• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm</td>
<td>100%</td>
<td>(129.842.661)</td>
<td>(171.592.661)</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi</td>
<td>100%</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>(3.890.098.929)</strong></td>
<td><strong>(1.918.007.430)</strong></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

6. Hàng tồn kho

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Hàng mua đang đi trên đường</td>
<td>467.150.743.607</td>
<td>972.360.197.401</td>
</tr>
<tr>
<td>Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật</td>
<td>2.376.855.837.463</td>
<td>1.590.350.151.377</td>
</tr>
<tr>
<td>Công cụ, dụng cụ</td>
<td>4.870.222.399</td>
<td>1.833.344.075</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí sản xuất, kinh doanh &amp; đốm đắng</td>
<td>99.011.523.535</td>
<td>61.562.596.516</td>
</tr>
<tr>
<td>Thành phẩm</td>
<td>583.651.612.834</td>
<td>579.265.915.242</td>
</tr>
<tr>
<td>Hàng gửi đi bán</td>
<td>-</td>
<td>48.370.380.232</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>3.543.932.114.387</strong></td>
<td><strong>3.277.429.580.780</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Nguyên liệu, vật liệu</td>
<td>(1.103.845.177)</td>
<td>(2.132.410.838)</td>
</tr>
<tr>
<td>Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật</td>
<td>(1.385.754.807)</td>
<td>(1.490.913.798)</td>
</tr>
<tr>
<td>Thành phẩm</td>
<td>(1.789.976.654)</td>
<td>(1.267.615.534)</td>
</tr>
<tr>
<td>Hàng hóa</td>
<td>(2.442.515)</td>
<td>(42.966.500)</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Kỳ này</th>
<th>Năm trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Số đầu năm</td>
<td>(4.933.906.670)</td>
<td>(4.133.214.915)</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập dự phòng trong kỳ</td>
<td>(6.849.947.372)</td>
<td>(10.074.642.239)</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoàn nhập dự phòng</td>
<td>7.229.398.431</td>
<td>8.018.602.015</td>
</tr>
<tr>
<td>Sử dụng dự phòng trong kỳ</td>
<td>272.436.458</td>
<td>1.255.348.469</td>
</tr>
</tbody>
</table>

8. Chi phí trả trước ngân hàng

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Số đầu năm</th>
<th>Tăng trong kỳ</th>
<th>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</th>
<th>Kết chuyển giảm khác</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng</td>
<td>3.862.183.375</td>
<td>9.500.257.089</td>
<td>7.819.902.468</td>
<td></td>
<td>5.542.537.996</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí quảng cáo</td>
<td>8.320.100.182</td>
<td>5.588.896.970</td>
<td>9.965.634.652</td>
<td></td>
<td>3.943.362.500</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí tư vấn</td>
<td>450.957.001</td>
<td>-</td>
<td>450.957.001</td>
<td>450.957.001</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí CCDC bán hàng</td>
<td>34.676.924.998</td>
<td>55.078.581.836</td>
<td>39.333.959.557</td>
<td>-</td>
<td>50.421.547.277</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí thuê mặt bằng, vị trí</td>
<td>2.414.274.654</td>
<td>9.590.757.670</td>
<td>8.352.194.190</td>
<td>446.186.000</td>
<td>3.206.652.134</td>
</tr>
<tr>
<td>CP cải tạo, sửa chữa lớn</td>
<td>1.381.630.958</td>
<td>2.543.979.367</td>
<td>3.154.572.891</td>
<td>771.037.434</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí khác</td>
<td>1.547.931.992</td>
<td>41.445.399.452</td>
<td>38.875.512.690</td>
<td>114.912.579</td>
<td>4.002.906.175</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>56.909.099.519</strong></td>
<td><strong>147.822.366.012</strong></td>
<td><strong>127.000.480.198</strong></td>
<td><strong>561.098.579</strong></td>
<td><strong>77.169.886.755</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

<table>
<thead>
<tr>
<th>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</th>
<th>Nhà cửa</th>
<th>Máy móc thiết bị</th>
<th>Phương tiện vận tải</th>
<th>Thiết bị dụng cụ quản lý</th>
<th>Gia sức</th>
<th>Tổng cộng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Số dư đầu kỳ 01/01/2012</td>
<td>910.815.133.889</td>
<td>3.595.320.134.802</td>
<td>342.750.559.768</td>
<td>257.437.883.086</td>
<td>195.503.124.715</td>
<td>5.301.826.836.260</td>
</tr>
<tr>
<td>Súc vật nuôi chuyển đàn</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Tăng khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Chuyển sang BDS đầu tư</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Phân loại lại</td>
<td>2.201.083.457</td>
<td>(2.372.344.889)</td>
<td>251.261.432</td>
<td>(80.000.000)</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm khác</td>
<td>-</td>
<td>(3.584.680)</td>
<td>-</td>
<td>(44.248.600)</td>
<td>-</td>
<td>(47.833.280)</td>
</tr>
</tbody>
</table>

II. Giá trị hao mòn lũy kế

| Số dư đầu kỳ 01/01/2012 | 217.612.580.950 | 1.285.791.657.838 | 143.083.992.356 | 120.979.925.716 | 40.730.136.946 | 1.808.198.293.806 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | - | - | - | - | - | - |
| Chuyển sang BDS đầu tư   | - | - | - | - | - | - |
| Phân loại lại             | 67.482.521 | (121.152.237) | 67.003.048 | (13.333.332) | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán      | (1.876.902.268) | (1.304.432.130) | (18.076.060.114) | (2.878.972.277) | (5.229.990.185) | (29.366.356.974) |
| Giảm khác                 | - | - | - | (1.229.128) | - | (1.229.128) |

III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Quyền sử dụng đất</th>
<th>Bằng sáng chế</th>
<th>Nhãn hiệu hàng hóa</th>
<th>Phần mềm máy tính</th>
<th>Cộng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>+Số đầu năm</td>
<td>324.478.280.840</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>58.931.090.027</td>
<td>383.409.370.867</td>
</tr>
<tr>
<td>+Tăng trong kỳ</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>-Mua trong kỳ</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>4.455.962.797</td>
<td>4.455.962.797</td>
</tr>
<tr>
<td>-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>-Tăng do hợp nhất kinh doanh</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>-Tăng khác</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>+Giảm trong kỳ</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>-Thanh lý, nhượng bán</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>(1.270.856.480)</td>
<td>(1.270.856.480)</td>
</tr>
<tr>
<td>-Giảm khác</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>+ Số cuối kỳ</td>
<td>324.478.280.840</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>62.116.196.344</td>
<td>386.594.477.184</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Giá trị hao mòn

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Quyền sử dụng đất</th>
<th>Bằng sáng chế</th>
<th>Nhãn hiệu hàng hóa</th>
<th>Phần mềm máy tính</th>
<th>Cộng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>+Tăng trong kỳ</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>-Khấu hao trong kỳ</td>
<td>2.881.188.683</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>2.514.623.409</td>
<td>5.395.812.092</td>
</tr>
<tr>
<td>-Tăng do hợp nhất kinh doanh</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>-Tăng khác</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>+Giảm trong kỳ</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>-Thanh lý, nhượng bán</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>(1.270.856.480)</td>
<td>(1.270.856.480)</td>
</tr>
<tr>
<td>-Giảm khác</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>+ Số cuối kỳ</td>
<td>81.561.009.422</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>(1.270.856.480)</td>
<td>131.488.236.948</td>
</tr>
</tbody>
</table>

+Giá trị còn lại

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Quyền sử dụng đất</th>
<th>Bằng sáng chế</th>
<th>Nhãn hiệu hàng hóa</th>
<th>Phần mềm máy tính</th>
<th>Cộng</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>+ Số đầu năm</td>
<td>245.798.460.101</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>10.247.629.430</td>
<td>256.046.089.531</td>
</tr>
<tr>
<td>+ Số cuối kỳ</td>
<td>242.917.271.418</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>12.188.968.818</td>
<td>255.106.240.236</td>
</tr>
</tbody>
</table>
11. Bất động sản đầu tư:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Quyền sử dụng đất</th>
<th>Nhà</th>
<th>Nhà và Quyền sử dụng đất</th>
<th>Cơ sở hạ tầng</th>
<th>Công</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>+ Số đầu năm</td>
<td>27.489.150.000</td>
<td>84.183.047.263</td>
<td>-</td>
<td>5.994.290.197</td>
<td>117.666.487.460</td>
</tr>
<tr>
<td>+ Tăng trong kỳ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Mua trong kỳ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Chuyển từ TSCĐ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Chuyển từ hàng hóa BDS</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tăng khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Phân loại lại</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>+ Giảm trong kỳ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Thanh lý, nhượng bán</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Chuyển sang TSCD</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Chuyển sang hàng hóa BDS</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Giảm khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>+ Số cuối kỳ</td>
<td>27.489.150.000</td>
<td>84.183.047.263</td>
<td>-</td>
<td>5.994.290.197</td>
<td>117.666.487.460</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Giá trị hao mòn

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Quyền sử dụng đất</th>
<th>Nhà</th>
<th>Nhà và Quyền sử dụng đất</th>
<th>Cơ sở hạ tầng</th>
<th>Công</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>+ Số đầu năm</td>
<td>-</td>
<td>15.850.898.430</td>
<td>-</td>
<td>1.144.301.491</td>
<td>16.995.199.921</td>
</tr>
<tr>
<td>+ Tăng trong kỳ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Đầu hao trong kỳ</td>
<td>-</td>
<td>2.518.102.080</td>
<td>-</td>
<td>449.571.762</td>
<td>2.967.673.842</td>
</tr>
<tr>
<td>- Chuyển từ TSCĐ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tăng khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Phân loại lại</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>+ Giảm trong kỳ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Chuyển sang hàng hóa BDS</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Thanh lý, nhượng bán</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Giảm khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>+ Số cuối kỳ</td>
<td>-</td>
<td>18.369.000.510</td>
<td>-</td>
<td>1.593.873.253</td>
<td>19.962.873.763</td>
</tr>
</tbody>
</table>

+ Giá trị còn lại

<table>
<thead>
<tr>
<th>Nguyên giá</th>
<th>Quyền sử dụng đất</th>
<th>Nhà</th>
<th>Nhà và Quyền sử dụng đất</th>
<th>Cơ sở hạ tầng</th>
<th>Công</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>+ Số đầu năm</td>
<td>27.489.150.000</td>
<td>68.332.148.833</td>
<td>-</td>
<td>4.849.988.706</td>
<td>100.671.287.539</td>
</tr>
<tr>
<td>+ Số cuối kỳ</td>
<td>27.489.150.000</td>
<td>65.814.046.753</td>
<td>-</td>
<td>4.400.416.944</td>
<td>97.703.613.697</td>
</tr>
</tbody>
</table>
### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Kỷ này</th>
<th>Năm trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Số dư đầu năm</td>
<td>1.295.087.396.884</td>
<td>665.282.453.729</td>
</tr>
<tr>
<td>Tăng trong kỳ</td>
<td>2.635.005.253.989</td>
<td>1.765.978.487.062</td>
</tr>
<tr>
<td>Chuyển sang TSCĐ hữu hình</td>
<td>(873.209.765.952)</td>
<td>(1.130.614.746.336)</td>
</tr>
<tr>
<td>Chuyển sang TSCĐ vô hình</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Chuyển sang Bất động sản đầu tư</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Chuyển sang Hàng tồn kho</td>
<td>-</td>
<td>(4.529.164.165)</td>
</tr>
<tr>
<td>Thanh lý</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Giảm khác</td>
<td>(4.849.797.989)</td>
<td>(1.029.633.406)</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư cuối kỳ</td>
<td>3.052.033.086.932</td>
<td>1.295.087.396.884</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Trong đó có giá trị các công trình lớn dở dang được thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng sau:

+ Công ty CP sữa Việt Nam:

  - Văn phòng công ty: đang thực hiện các công trình sau:
    - Nhà máy Sữa Việt Nam: 2.925.900.881.116, 652.557.519.078
    - Trang trại Bò Sữa: 7.405.754.731, 15.893.206.674
    - Công trình khác: 39.311.756.565, 96.999.954
  - NM Sữa Trường Thọ: 3.763.874.551, 29.244.400
  - NM Sữa Thống Nhất: 40.210.000, 214.216.365
  - NM Sữa Dielac: - , 33.679.200.351
  - NM Sữa Sai Gòn: 972.954.096, 80.403.563.112
  - NM Sữa Cân Thơ: 197.118.182, 24.013.080.051
  - NM Sữa Bình Định: 115.098.182, 18.868.426.211
  - NM Sữa Nghệ An: - , 35.495.060.435
  - XNKV Hà Nội: 8.747.985.700, 8.747.985.700
  - NM Sữa Tiền Sơn: - , 81.555.694.010
  - NM Nước Giải Khát: - , 2.597.374.052
  - Nhà máy Sữa Đà Nẵng: 16.575.599.187, 237.931.390.899
  - Văn phòng - CN tại Cân Thơ: 45.086.527.051, 44.989.951.351
  - Chi nhánh Hà Nội: - , 21.177.273

+ Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam: 43.413.957.053, 28.940.680.077

+ Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn: 7.218.881.814, 2.068.100.733

+ Công ty TNHH MTV Sữa Dielac: - , 42.974.732.786

**Cộng**: 3.052.033.086.932, 1.295.087.396.884
13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tên công ty liên kết, liên doanh</th>
<th>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</th>
<th>Vốn đầu tư</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td>Theo giấy phép</td>
<td>Thực góp</td>
</tr>
<tr>
<td>Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh</td>
<td>24,50%</td>
<td>24,50%</td>
</tr>
<tr>
<td>Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh Đồng kiểm soát</td>
<td>25,00%</td>
<td>25,00%</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết</td>
<td>15,00%</td>
<td>15,00%</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH MIRAKA - Công ty liên kết</td>
<td>19,29%</td>
<td>19,29%</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

14. Đầu tư dài hạn khác

<table>
<thead>
<tr>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Đầu tư cổ phiếu</td>
<td>295.752.373.800</td>
</tr>
<tr>
<td>- Cổ phiếu đã niêm yết</td>
<td>189.402.373.800</td>
</tr>
<tr>
<td>- Cổ phiếu chưa niêm yết</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Các quý đầu tư</td>
<td>106.350.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Đầu tư trái phiếu</td>
<td>50.000.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Đầu tư dài hạn khác</td>
<td>120.300.000.000</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>466.052.373.800</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

<table>
<thead>
<tr>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn</td>
<td>(89.365.996.046)</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>(89.365.996.046)</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Ký này</th>
<th>Năm trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Số đầu năm</td>
<td>(142.350.792.629)</td>
</tr>
<tr>
<td>Trích lập dự phòng trong kỳ</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Hoàn nhập dự phòng</td>
<td>52.984.796.583</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Số cuối kỳ</strong></td>
<td><strong>(89.365.996.046)</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>
### 16. Chi phí trả trước dài hạn

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Số đầu năm</th>
<th>Tăng trong kỳ</th>
<th>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</th>
<th>Kết chuyển giảm khác</th>
<th>So cuối kỳ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tiền thuê mặt bằng</td>
<td>2.434.012.586</td>
<td></td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>2.189.861.340</td>
</tr>
<tr>
<td>CP CCDC bán hàng</td>
<td>11.241.646.159</td>
<td>67.765.356.852</td>
<td></td>
<td>-</td>
<td>20.465.876.480</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>25.598.314.795</strong></td>
<td><strong>79.810.153.838</strong></td>
<td><strong>6.183.965.716</strong></td>
<td><strong>58.953.480.280</strong></td>
<td><strong>40.271.022.637</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

### 17. Vay và nợ ngắn hạn

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Vay ngắn hạn ngân hàng</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Vay dài hạn đến hạn trả</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

### 18. Phải trả người bán

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Nhà cung cấp nội địa</td>
<td>627.326.647.943</td>
<td>726.006.667.255</td>
</tr>
<tr>
<td>Nhà cung cấp nước ngoài</td>
<td>814.133.953.365</td>
<td>1.104.035.003.984</td>
</tr>
<tr>
<td>Nhà phân phối</td>
<td>862.837.495</td>
<td>917.429.235</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>1.442.323.438.803</strong></td>
<td><strong>1.830.959.100.474</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

### 19. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Số đầu năm</th>
<th>Số phải nộp trong kỳ</th>
<th>Số đã nộp trong kỳ</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thuế GTGT hàng bán nội địa</td>
<td>59.147.603.747</td>
<td>548.563.151.103</td>
<td>505.132.083.675</td>
<td>102.578.671.175</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế GTGT hàng nhập khẩu</td>
<td>19.765.227.022</td>
<td>606.521.204.178</td>
<td>615.701.636.983</td>
<td>10.584.794.217</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế xuất, nhập khẩu</td>
<td>5.819.918.779</td>
<td>162.398.977.311</td>
<td>163.718.039.329</td>
<td>4.500.856.761</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế thu nhập doanh nghiệp</td>
<td>188.626.252.026</td>
<td>884.778.316.204</td>
<td>816.822.128.694</td>
<td>256.582.439.536</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế thu nhập cá nhân</td>
<td>13.715.531.182</td>
<td>84.196.378.918</td>
<td>78.309.718.132</td>
<td>19.602.191.968</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế tài nguyên</td>
<td>29.996.690</td>
<td>279.881.417</td>
<td>280.015.527</td>
<td>29.862.580</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế nhà đất</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Tiền thuế đất</td>
<td>526.471</td>
<td>(526.471)</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Các loại thuế khác</td>
<td>357.814.911</td>
<td>10.444.009.210</td>
<td>10.801.824.121</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản phi, lệ phí và các khoản phải nộp khác</td>
<td>20.000</td>
<td>1.111.611.243</td>
<td>1.111.631.243</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>287.462.890.828</strong></td>
<td><strong>2.298.293.003.113</strong></td>
<td><strong>2.191.877.077.704</strong></td>
<td><strong>393.878.816.237</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>
### 20. Chi phí phải trả

<table>
<thead>
<tr>
<th>Mục vụ</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng</td>
<td>142.475.480.281</td>
<td>166.981.423.467</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí thuê ụ, kệ, hộp đèn, vị trí tại siêu thị</td>
<td>4.141.135.792</td>
<td>138.181.804</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí quảng cáo</td>
<td>121.204.508.303</td>
<td>29.428.701.502</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí vận chuyển</td>
<td>25.760.425.259</td>
<td>25.359.546.962</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí bảo trì và sửa chữa</td>
<td>9.599.202.318</td>
<td>6.357.023.147</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí lãi vay</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí nhiên liệu</td>
<td>6.951.040.343</td>
<td>5.795.564.015</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí nhân công thuê ngoài</td>
<td>9.428.349.020</td>
<td>7.252.173.600</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí phải trả khác</td>
<td>19.156.437.562</td>
<td>19.365.394.796</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>338.716.578.878</strong></td>
<td><strong>260.678.009.293</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

### 21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

<table>
<thead>
<tr>
<th>Mục vụ</th>
<th>Số cuối kỳ</th>
<th>Số đầu năm</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>BHXH, BHYT, BHTN</td>
<td>782.250.747</td>
<td>443.101.496</td>
</tr>
<tr>
<td>Kinh phí công đoàn</td>
<td>267.983.210</td>
<td>172.328.246</td>
</tr>
<tr>
<td>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</td>
<td>15.969.053.405</td>
<td>13.510.621.271</td>
</tr>
<tr>
<td>Phải trả khác về đầu tư tài chính</td>
<td>185.419.155</td>
<td>184.859.155</td>
</tr>
<tr>
<td>Phí trả cho cổ đông góp vốn mua cổ phiếu đầu tư</td>
<td>-</td>
<td>34.800.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế Nhập khẩu phải trả</td>
<td>218.296.865.501</td>
<td>31.891.388.948</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản phải trả, phải nộp khác</td>
<td>26.743.767.538</td>
<td>13.241.826.199</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>262.245.339.556</strong></td>
<td><strong>59.478.925.315</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>
**22. Vốn chủ sở hữu**

<table>
<thead>
<tr>
<th>Chỉ tiêu</th>
<th>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</th>
<th>Thặng dư vốn cổ phần</th>
<th>Cổ phiếu quý</th>
<th>Quỹ đầu tư phát triển</th>
<th>Quỹ dự phòng tài chính</th>
<th>Lợi nhuận chưa phân phối</th>
<th>Số dư cuối kỳ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>A</td>
<td>1</td>
<td>2</td>
<td>3</td>
<td>4</td>
<td>5</td>
<td>6</td>
<td>7</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư đầu năm trước</td>
<td>3.530.721.200.000</td>
<td>-</td>
<td>(669.051.000)</td>
<td>2.172.290.789.865</td>
<td>353.072.120.000</td>
<td>1.909.021.531.417</td>
<td>7.964.436.590.282</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tăng vốn năm trước</td>
<td>2.030.426.340.000</td>
<td>1.276.994.100.000</td>
<td>(1.852.743.000)</td>
<td>(1.852.892.040.000)</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Lãi trong năm trước</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>4.218.181.708.937</td>
<td>4.218.181.708.937</td>
</tr>
<tr>
<td>- Trích lập các quỹ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>588.625.486.519</td>
<td>203.042.634.000</td>
<td>(1.208.328.620.254)</td>
<td>(416.660.499.735)</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tăng khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Cổ tức</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>(741.428.260.000)</td>
<td>(741.428.260.000)</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư đầu năm nay</td>
<td>5.561.147.540.000</td>
<td>1.276.994.100.000</td>
<td>(2.521.794.000)</td>
<td>908.024.236.384</td>
<td>556.114.754.000</td>
<td>4.177.446.360.100</td>
<td>12.477.205.196.484</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tăng vốn trong kỳ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>(1.900.759.000)</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>(1.900.759.000)</td>
</tr>
<tr>
<td>- Lãi trong kỳ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>4.171.506.916.656</td>
<td>4.171.506.916.656</td>
</tr>
<tr>
<td>- Trích lập các quỹ</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>576.420.895.078</td>
<td>-</td>
<td>(991.008.431.585)</td>
<td>(414.587.536.507)</td>
</tr>
<tr>
<td>- Tăng khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>- Cổ tức</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>(2.222.994.056.000)</td>
<td>(2.222.994.056.000)</td>
</tr>
<tr>
<td>- Giảm khác</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Số dư cuối kỳ</td>
<td>5.561.147.540.000</td>
<td>1.276.994.100.000</td>
<td>(4.422.553.000)</td>
<td>1.484.445.131.462</td>
<td>556.114.754.000</td>
<td>5.134.950.789.171</td>
<td>14.009.229.761.633</td>
</tr>
</tbody>
</table>
VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ:

1. **Doanh thu**

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Kỳ này</th>
<th>Kỳ trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>Tổng doanh thu</strong></td>
<td>19,897,242,164.822</td>
<td>15,980,078,869.434</td>
</tr>
<tr>
<td>• Doanh thu bán hàng hóa</td>
<td>305,775,582.527</td>
<td>213,525,658.020</td>
</tr>
<tr>
<td>• Doanh thu bán thành phẩm</td>
<td>19,567,826,734.673</td>
<td>15,746,463,584.395</td>
</tr>
<tr>
<td>• Doanh thu cung cấp dịch vụ</td>
<td>14,604,265,561</td>
<td>13,451,650.433</td>
</tr>
<tr>
<td>• Doanh thu kinh doanh bất động sản</td>
<td>9,035,582.061</td>
<td>6,637,976.586</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Các khoản giảm trừ doanh thu:</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>• Chiết khấu thương mại</td>
<td>386,270,358.732</td>
<td>326,811,654.047</td>
</tr>
<tr>
<td>• Hàng bán bị trả lại</td>
<td>4,861,739,789</td>
<td>896,312,908</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Doanh thu thuận</strong></td>
<td>19,506,110,066.301</td>
<td>15,652,370,902.479</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Trong đó:</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>• Doanh thu thuận bán hàng hóa, thành phẩm</td>
<td>19,482,470,218.679</td>
<td>15,632,281,275.460</td>
</tr>
<tr>
<td>• Doanh thu thuận cung cấp dịch vụ</td>
<td>23,639,847.622</td>
<td>20,089,627.019</td>
</tr>
</tbody>
</table>

2. **Giá vốn hàng bán**

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Kỳ này</th>
<th>Kỳ trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>• Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp</td>
<td>251,192,337.801</td>
<td>206,660,461.450</td>
</tr>
<tr>
<td>• Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</td>
<td>12,647,698,905.373</td>
<td>10,508,026,147.246</td>
</tr>
<tr>
<td>• Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp</td>
<td>661,645,960</td>
<td>1,036,368.101</td>
</tr>
<tr>
<td>• Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản</td>
<td>4,233,076,344</td>
<td>3,591,544.941</td>
</tr>
<tr>
<td>• Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho</td>
<td>2,630,792.251</td>
<td>1,579,819.941</td>
</tr>
<tr>
<td>• Các khoản chi phí vượt mức bình thường</td>
<td>37,302,273.310</td>
<td>45,883,008.760</td>
</tr>
<tr>
<td>• Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</td>
<td>(379,451,059)</td>
<td>1,352,919.512</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td>12,943,339,579.980</td>
<td>10,768,130,269.951</td>
</tr>
</tbody>
</table>

3. **Doanh thu hoạt động tài chính**

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Kỳ này</th>
<th>Kỳ trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>• Lãi tiền gửi, tiền cho vay</td>
<td>193,367,239.357</td>
<td>268,744,649.554</td>
</tr>
<tr>
<td>• Lãi trái phiếu</td>
<td>64,989,683.668</td>
<td>72,866,716.702</td>
</tr>
<tr>
<td>• Cổ tức, lợi nhuận được chia</td>
<td>22,660,029.400</td>
<td>18,028,447.110</td>
</tr>
<tr>
<td>• Lãi đầu tư chứng khoan</td>
<td>8,790,592.000</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>• Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện</td>
<td>75,495,333.381</td>
<td>97,984,472.748</td>
</tr>
<tr>
<td>• Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</td>
<td>-</td>
<td>50,222,093.037</td>
</tr>
<tr>
<td>• Khác</td>
<td>74,153,628</td>
<td>143,579,989</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td>365,377,031.434</td>
<td>507,989,959.140</td>
</tr>
</tbody>
</table>
4. **Chi phí tài chính**

<table>
<thead>
<tr>
<th>Ký này</th>
<th>Ký trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Lãi tiền vay ngân hàng, các tổ chức khác</td>
<td>3.114.837.973</td>
</tr>
<tr>
<td>Lãi ký quý</td>
<td>712.465.808</td>
</tr>
<tr>
<td>Phí giao dịch mua bán chứng khoán</td>
<td>54.329.064</td>
</tr>
<tr>
<td>Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện</td>
<td>34.043.857.467</td>
</tr>
<tr>
<td>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</td>
<td>11.809.532.150</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn</td>
<td>(4.676.552.180)</td>
</tr>
<tr>
<td>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn</td>
<td>(52.984.796.583)</td>
</tr>
<tr>
<td>Khác</td>
<td>2.560.135.480</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>19.318.969.416</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

5. **Thu nhập khác**

<table>
<thead>
<tr>
<th>Ký này</th>
<th>Ký trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định</td>
<td>31.334.554.157</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu thanh lý XDCB đó đang</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu thanh lý phế liệu, CCDC, VTKT</td>
<td>72.603.816.437</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng</td>
<td>560.186.906</td>
</tr>
<tr>
<td>Nhập hỗ trợ từ nhà cung cấp</td>
<td>83.297.566.668</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản thuế được hoàn</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Thu nhập khác</td>
<td>10.945.970.791</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>198.742.094.959</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

6. **Chi phí khác**

<table>
<thead>
<tr>
<th>Ký này</th>
<th>Ký trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý</td>
<td>48.046.197.262</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định</td>
<td>654.545</td>
</tr>
<tr>
<td>Giá trị ghi sổ của XDCB đó đang</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Giá trị VTKT, CCDC thanh lý</td>
<td>52.817.138</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phát do vi phạm hợp đồng</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế bij phát, bij truy thu</td>
<td>1.713.508.948</td>
</tr>
<tr>
<td>Chi phí khác</td>
<td>207.626.147</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>50.020.804.040</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

7. **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

<table>
<thead>
<tr>
<th>Ký này</th>
<th>Ký trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Loại nhượng kế toàn sau thuế nhất doanh nghiệp</td>
<td>4.171.506.916.656</td>
</tr>
<tr>
<td>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lãi nhượng kế toàn để xác định lãi nhượng phần bố cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>• Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>• Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</td>
<td>-</td>
</tr>
</tbody>
</table>

41
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi
• Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi
  với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu

<table>
<thead>
<tr>
<th>Ký này</th>
<th>Ký trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>4.171.506.916.656</td>
<td>3.176.149.869.985</td>
</tr>
<tr>
<td>555.784.668</td>
<td>543.418.171</td>
</tr>
<tr>
<td>7.506</td>
<td>5.845</td>
</tr>
</tbody>
</table>

Cổ phiếu phổ thông đăng lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Ký này</th>
<th>Ký trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>555.867.614</td>
<td>353.006.100</td>
</tr>
<tr>
<td>2.870.581</td>
<td>5.016.850</td>
</tr>
<tr>
<td>1.406.338</td>
<td>181.139.389</td>
</tr>
<tr>
<td>(82.946)</td>
<td>(21.087)</td>
</tr>
<tr>
<td>555.784.668</td>
<td>543.418.171</td>
</tr>
</tbody>
</table>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

<table>
<thead>
<tr>
<th>Ký này</th>
<th>Ký trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>12.096.620.524.087</td>
<td>10.211.021.521.106</td>
</tr>
<tr>
<td>537.643.229.473</td>
<td>443.283.149.493</td>
</tr>
<tr>
<td>389.080.884.554</td>
<td>298.096.976.778</td>
</tr>
<tr>
<td>674.813.273.777</td>
<td>524.882.006.583</td>
</tr>
<tr>
<td>1.266.446.486.065</td>
<td>971.949.176.319</td>
</tr>
<tr>
<td>14.964.604.397.956</td>
<td>12.449.232.830.279</td>
</tr>
</tbody>
</table>

(82.946) (21.087)
Trong đó bao gồm:

### Chí phí sản xuất

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Kỷ này</th>
<th>Kỷ trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Chí phí nguyên liệu, vật liệu</td>
<td>12.046.234.792.043</td>
<td>10.168.650.425.840</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí nhân công</td>
<td>304.561.030.520</td>
<td>248.652.822.400</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí khấu hao tài sản cố định</td>
<td>325.971.212.897</td>
<td>242.204.522.076</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí dịch vụ mua ngoài</td>
<td>246.258.349.248</td>
<td>188.384.654.944</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí khác</td>
<td>8.644.452.455</td>
<td>12.833.116.483</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>12.931.669.837.163</strong></td>
<td><strong>10.860.725.541.743</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

### Chí phí bán hàng

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Kỷ này</th>
<th>Kỷ trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Chí phí cho nhân viên</td>
<td>111.627.969.282</td>
<td>91.885.015.549</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí nguyên liệu, vật liệu</td>
<td>41.317.762.414</td>
<td>34.546.715.330</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí dụng cụ đồ dùng bán hàng</td>
<td>43.535.567.986</td>
<td>23.909.906.023</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí khấu hao tài sản cố định</td>
<td>19.029.423.857</td>
<td>19.295.269.161</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí bảo hành</td>
<td>10.111.610.844</td>
<td>6.861.260.931</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí vận chuyển hàng bán</td>
<td>230.369.707.244</td>
<td>178.628.279.936</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí dịch vụ mua ngoài</td>
<td>69.925.316.074</td>
<td>54.466.273.854</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí quảng cáo</td>
<td>392.121.009.119</td>
<td>307.824.576.055</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí khuyến mãi</td>
<td>462.892.231.458</td>
<td>326.589.691.316</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí hỗ trợ, hoa hồng cho nhà phân phối</td>
<td>264.617.449.905</td>
<td>221.800.559.553</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>1.645.548.048.183</strong></td>
<td><strong>1.265.807.547.708</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

### Chí phí quản lý doanh nghiệp

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>Kỷ này</th>
<th>Kỷ trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Chí phí cho nhân viên</td>
<td>121.454.229.671</td>
<td>102.745.311.544</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí vật liệu quản lý</td>
<td>9.067.969.630</td>
<td>7.824.379.936</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí đồ dùng văn phòng</td>
<td>2.857.137.599</td>
<td>3.242.951.367</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí khấu hao tài sản cố định</td>
<td>44.080.247.800</td>
<td>36.597.185.541</td>
</tr>
<tr>
<td>Thuế, phí, lệ phí</td>
<td>12.449.735.021</td>
<td>4.081.529.382</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí dự phòng</td>
<td>2.703.416.946</td>
<td>5.291.649.077</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí vận chuyển hàng nội bộ</td>
<td>39.101.394.257</td>
<td>36.509.908.159</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí dịch vụ mua ngoài khác</td>
<td>89.158.506.954</td>
<td>66.892.889.690</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí nhập hàng</td>
<td>20.400.160.721</td>
<td>26.881.909.000</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí khác</td>
<td>12.372.035.073</td>
<td>8.951.008.835</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí dịch vụ ngân hàng</td>
<td>5.154.107.588</td>
<td>5.282.348.121</td>
</tr>
<tr>
<td>Chí phí khác</td>
<td>28.587.571.350</td>
<td>18.398.670.176</td>
</tr>
<tr>
<td><strong>Cộng</strong></td>
<td><strong>387.386.512.610</strong></td>
<td><strong>322.699.740.828</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>
VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:
   Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 45,04% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

   a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

   Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

   i) Mua hàng hóa và dịch vụ

<table>
<thead>
<tr>
<th>Liên doanh:</th>
<th>Kỳ này</th>
<th>Kỳ trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam</td>
<td>2.776.827.535</td>
<td>2.542.559.993</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty liên kết:</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH Miraka</td>
<td>374.654.961.201</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn</td>
<td>30.005.077.045</td>
<td>4.532.500.000</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>407.436.865.781</strong></td>
<td><strong>7.075.059.993</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

   ii) Thu hồi khoản vay từ công ty liên kết

   Trong kỳ, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn đã trả toàn khoản vay 18 tỷ đồng Việt Nam đã vay từ Công ty trong năm 2011.

   iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

<table>
<thead>
<tr>
<th>Kỹ thuật</th>
<th>Kỳ này</th>
<th>Kỳ trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Lương và các quyền lợi khác của thành viên Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành</td>
<td>45.246.447.718</td>
<td>46.643.535.904</td>
</tr>
</tbody>
</table>

   iv) Chi trả cổ tức

<table>
<thead>
<tr>
<th>Kỹ thuật</th>
<th>Kỹ này</th>
<th>Kỳ trước</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước</td>
<td>1.001.952.000.000</td>
<td>333.984.000.000</td>
</tr>
</tbody>
</table>

   b. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan:

   i) Phải thu khách hàng

<table>
<thead>
<tr>
<th></th>
<th>30/9/2012</th>
<th>31/12/2011</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Công ty liên kết:</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH Miraka</td>
<td>(6.065.114)</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>(6.065.114)</strong></td>
<td>-</td>
</tr>
</tbody>
</table>
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

ii) Phải trả người bán

<table>
<thead>
<tr>
<th>Liên doanh:</th>
<th>30/9/2012</th>
<th>31/12/2011</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam</td>
<td>1.510.800.727</td>
<td>145.509.003</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty liên kết:</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty TNHH Miraka</td>
<td>-</td>
<td>108.050.477.828</td>
</tr>
<tr>
<td>Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn</td>
<td>1.797.930.750</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td><strong>3.308.731.477</strong></td>
<td><strong>180.195.986.831</strong></td>
</tr>
</tbody>
</table>

2. Thông tin về bộ phận

<table>
<thead>
<tr>
<th>CHỈ TIÊU</th>
<th>Quý III Năm 2012</th>
<th>Quý III Năm 2011</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Nội địa</td>
<td>Xuất khẩu</td>
<td>Nội địa</td>
</tr>
<tr>
<td>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</td>
<td>6.216.574.313.721</td>
<td>544.591.368.658</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Các khoản giảm trừ</td>
<td>142.324.311.523</td>
<td>-</td>
</tr>
<tr>
<td>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)</td>
<td>2.241.596.009.208</td>
<td>99.917.605.348</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>CHỈ TIÊU</th>
<th>Lũy kế 9 tháng đầu năm 2012</th>
<th>Lũy kế 9 tháng đầu năm 2011</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Nội địa</td>
<td>Xuất khẩu</td>
<td>Nội địa</td>
</tr>
<tr>
<td>2. Các khoản giảm trừ</td>
<td>391.132.098.521</td>
<td>-</td>
</tr>
</tbody>
</table>